

Số: 07/2022/QĐST-HNGĐ

Kon Plông, ngày 14 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Minh T, sinh năm 198x;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trần C, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 370 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Minh T và anh Nguyễn Trần C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Minh T và anh Nguyễn Trần C thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Có hai con chung là Nguyễn Võ Lâm H, sinh ngày 1x/x/201x và Nguyễn Võ Minh K, sinh ngày 2x/1x/201x.

+ Chị Võ Minh T được quyền trực tiếp nuôi 02 con là Nguyễn Võ Lâm H, sinh ngày 1x/x/201x và Nguyễn Võ Minh K, sinh ngày 2x/1x/201x cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

+ Anh Nguyễn Trần C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Minh T không yêu cầu anh Nguyễn Trần C phải cấp dưỡng nuôi 02 con nên anh Nguyễn Trần C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Võ Minh T và anh Nguyễn Trần C mỗi người phải nộp 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị T tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và nhận nộp thay phần án phí ly hôn cho anh Nguyễn Trần C và anh C đồng ý (Tổng cộng là 150.000 đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Võ Minh T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003615 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông. Hoàn trả lại cho chị Võ Minh T số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Anh Nguyễn Trần C không phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm (vì chị Võ Minh T nhận nộp thay).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- UBND xã B, H. T, T. Bình Định.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Đăng Lễ